TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thu An, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Trọng N, sinh năm 1973

Trú tại: số X ấp L, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bị đơn: bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1973

Trú tại: số Y ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Lê Trọng N trình bày: ông và bà Phạm Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, ông bà không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm và có được 01 con chung tên Lê A Sil (nam) sinh ngày 21/02/2002, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông và bà T không còn sống chung cách nay khoảng 11 năm. Nay ông N yêu cầu được ly hôn với bà T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

Phía bị đơn – bà Phạm Thị Kim T trình bày: thống nhất với ông N về thời gian tiến đến hôn nhân, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ

chung. Vào năm 2002 ông bà tự nguyện sống chung nhưng không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm và sau đó không còn chung sống với nhau cách nay 11 năm, nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Đối với yêu cầu của ông N thì bà đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Trọng N và bà Phạm Thị Kim T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 07/11/2017 ông N yêu cầu ly hôn với bà T, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông N, bà T chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì ông bà ly thân từ năm 2006 đến nay. Ông N có yêu cầu ly hôn, bà T thống nhất với yêu cầu của ông N nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn. Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 28/02/2018, ngày 15/3/2018 nhưng bà T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Lê Trọng N và bà Phạm Thị Kim T là vợ chồng.

[3] Về con chung, ông N và bà T có 01 người con chung là Lê A Sil (nam) sinh ngày 21/02/2002. Ông N có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Sil vì từ khi bà T bỏ đi thì cháu Sil do ông N chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà T cũng thống nhất giao cháu Sil cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Sil. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự. Nguyên đơn không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn, bị đơn thống nhất là không có.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Lê Trọng N và bà Phạm Thị Kim T là vợ chồng.

- *Về con chung:* giao Lê A Sil (nam) sinh ngày 21/02/2002 cho ông Lê Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Phạm Thị Kim T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông N nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005188 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa